

Tập 104

Xin xem A Di Đà Kinh Sớ Sao Diễn Nghĩa Hội Bản, trang một trăm chín mươi chín:

(Sớ) Thánh nhân vô ngã, kim hà xưng Ngã? Trí Luận hữu tam: Nhất, tùy thế gian cố; nhị, phá tà kiến cố; tam, bất trước vô ngã cố. Dĩ thị tam giả, bất ngại thuyết Ngã. Hựu Pháp Thân chân ngã, diệc đắc xưng Ngã.

(疏) 聖人無我，今何稱我？智論有三：一、隨世間故，二、破邪見故，三、不著無我故。以是三者，不礙說我，又法身真我，亦得稱我。

(Sớ: Thánh nhân vô ngã, nay có sao nói là Ta? Trí Độ Luận nêu lên ba điều: Một, do tùy thuận thế gian; hai, do phá tà kiến; ba, do chẳng chấp trước Vô Ngã. Do ba điều ấy, nói Ngã chẳng trở ngại gì. Lại nữa, Pháp Thân là Chân Ngã, nên cũng nói Ngã).

Đoạn này nhằm ngăn ngừa trước trường hợp có những kẻ học một chút Phật pháp, [bền bắt bẻ] trong kinh Phật thường nói phải phá Ngã Chấp và Pháp Chấp. Sơ Quả đã phá Thân Kiến, Tứ Quả La Hán đã phá Ngã Chấp, vì sao, các Ngài vẫn còn nói Ta? Ngăn ngừa mỗi nghi hoặc như thế, cho nên ở đây, đại sư đặc biệt giảng rõ, Ngài dẫn ba ý nghĩa [vì sao] xưng là Ta như trong Đại Trí Độ Luận đã giảng. Trong phần dưới có giải thích ba ý nghĩa ấy, chúng ta hãy đọc lời Sao:

(Sao) Thử hạ phục phân “ngã văn” vi nhị, ly thích đồng tiền.

(鈔) 此下復分我聞為二，離釋同前。

(Sao: Dưới đây lại chia “ngã văn” thành hai đoạn để giải thích từng điều [riêng rẽ] giống như [phương cách giải thích hai chữ “như thị”] trong phần trên).

“Ly” là tách ra để giảng, Ngã là gì? Văn là gì? Giống như phương cách đã được sử dụng trong phần trước. Điều thứ nhất là:

(Sao) Nhất vân tùy thế gian giả, vị thế pháp trung thuyết Ngã, phi Đệ Nhất Nghĩa trung thuyết Ngã, tùy thuận thế gian nhi thuyết, vô hữu thật thể, tắc bất quai ư Đệ Nhất Nghĩa dã.

(鈔)一云隨世間者，謂世法中說我，非第一義中說我，隨順世間而說，無有實體，則不乖於第一義也。

(Sao: Một là nói “tùy thuận thế gian” có nghĩa là nói Ngã theo pháp thế gian, chẳng phải là nói Ngã như trong Đệ Nhất Nghĩa Đế, tùy thuận thế gian mà nói, [cái Ngã ấy] chẳng có thực thể, nên chẳng trái nghịch Đệ Nhất Nghĩa).

Đệ Nhất Nghĩa chẳng thể nói được, điều này thường diễn tả là “ngôn ngữ dứt bật, tâm hành xứ diệt”. Những gì có thể diễn tả được đều là Đệ Nhị Nghĩa, Đệ Tam Nghĩa! Những gì có thể tư duy, tưởng tượng, cũng không phải là Đệ Nhất Nghĩa. Đệ Nhất Nghĩa là gì? Trong Đệ Nhất Nghĩa, ngay cả Đệ Nhất Nghĩa cũng không có. Nếu có Đệ Nhất Nghĩa, sẽ chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa thật sự. Nói thật ra, nói theo tướng được hiện thì Chân Như bốn tánh được gọi là Nhất Chân pháp giới. “Chư pháp Thật Tướng” như kinh Pháp Hoa đã nói, hay “Lý nhất tâm bất loạn” được nói trong Tịnh Độ đều là Đệ Nhất Nghĩa. Nó có rất nhiều danh từ, hơn một trăm loại, đều nhằm nói về cùng một chuyện! Thật ra, chẳng thể nào diễn tả được! Chính chúng ta phải tự mình thấu hiểu, chỉ có thể lãnh hội, chẳng thể vận dụng tư duy, vì vừa rớt vào tư duy sẽ là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng còn là Đệ Nhất Nghĩa nữa.

Nhà Thiền nói “tham Thiền” tức là lìa tâm ý thức để tham, lìa tâm ý thức là Đệ Nhất Nghĩa. “Tâm” là A Lại Da thức, “Ý” là Mạt Na thức, tức thức thứ bảy, “Thức” là thức thứ sáu (Ý Thức). Quý vị có thể rời khỏi thức thứ sáu, thức thứ bảy, thức thứ tám, những gì quý vị hiển lộ sẽ là Chân Như bốn tánh, Chân Như bốn tánh là Đệ Nhất Nghĩa. Làm thế nào mới có thể lìa được? Trước hết, quý vị phải hiểu “tâm ý thức” nghĩa là gì? Là hiện tượng như thế nào? Thức thứ sáu, tức Ý Thức, cái tâm phân biệt ấy là thức thứ sáu (Ý Thức), thức thứ bảy là chấp trước, chúng ta nói thức thứ tám là “ghi ấn tượng”. Nói cách khác, quý vị chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, không giữ ấn tượng, lúc ấy là Đệ Nhất Nghĩa. Chúng ta mắt thấy sắc chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng; tai nghe tiếng cũng chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng, tức là không dùng tâm ý thức; khi ấy, lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần đều là Đệ Nhất Nghĩa.

Ở đây, quý vị hãy khéo suy nghĩ, quý vị có thể nói một câu nào hay không? Đừng nói chi khác, chúng tôi nêu thí dụ như thế này: “Rời khỏi hết thấy danh tướng, quý vị hãy nói một câu xem, đây là gì vậy? Quý vị có thể nói được hay không?” Lìa khỏi tướng danh tự, quý vị nói “trang

giấy” thì “trang giấy” là danh tự, “tinh xá” cũng là danh tự, “cái thẻ kẹp sách” cũng là danh tự! Tôi bảo quý vị rời khỏi tướng danh tự, quý vị hãy nói một câu xem, đó là gì vậy? Chẳng nói được! Chẳng rõ ràng hay sao? Rõ ràng là nói không được, đây là Đệ Nhất Nghĩa. Quý vị có thể nói được thì là Đệ Nhị Nghĩa, chẳng phải là Đệ Nhất Nghĩa.

Khi Phật pháp chưa truyền tới Trung Quốc, người Trung Quốc cũng biết tới cảnh giới ấy! Quý vị thấy Lão Tử đã nói: “*Danh khả danh, phi thường danh; đạo khả đạo, phi thường đạo*”, hai câu này có cùng một ý nghĩa với “*ngôn ngữ dứt bật, tâm hạnh xư diệt*” trong kinh Phật. Cách nói khác nhau, nhưng cảnh giới và ý nghĩa hoàn toàn tương đồng. Có thể thấy Lão Tử cũng thấy Đệ Nhất Nghĩa, cũng chứng đắc Thật Tướng của các pháp. Nếu Ngài không phải là Phật tái lai thì cũng là bậc Bát Địa Bồ Tát trở lên! Chẳng phải là Bát Địa trở lên, sẽ không thể nói được! Chưa nhập cảnh giới này, sẽ không thể nói được! Phật pháp chưa truyền đến Trung Quốc, người Trung Quốc cũng đã nhập cảnh giới này.

Vì thế, trong Đệ Nhất Nghĩa là pháp bình đẳng, là pháp thanh tịnh, từ Đệ Nhất Nghĩa lưu xuất tác dụng là từ bi. Do vậy, từ bi là Tánh Đức, là đức năng sẵn có trong Chân Như bốn tánh, đại từ đại bi! Chúng ta thường nói “*vô duyên Đại Từ, đồng thể Đại Bi*”. Nếu chưa kiến tánh, tâm từ bi này không lưu xuất được, chúng ta muốn học cũng không học được, miễn cưỡng học cách nào cũng đều học không giống, ắt chính mình phải đích thân nhập cảnh giới này mới được. Bởi lẽ, trong Đệ Nhất Nghĩa không có Ngã! Như trong kinh Kim Cang đã nói bốn tướng đều là Không, Ngã lấy đâu ra? Khi ấy mới gọi là Đệ Nhất Nghĩa, cũng gọi là Trung Đạo Đệ Nhất Nghĩa. Vì vậy, xác thực là Vô Ngã. Do tùy thuận thế gian bèn khởi tác dụng thì gọi là từ bi.

Nếu Phật thường trụ trong Đệ Nhất Nghĩa, trong Đệ Nhất Nghĩa thì như tôi vừa mới nói, không chỉ chẳng có ngôn ngữ, cũng chẳng có tư duy, thử hỏi đức Phật giáo hóa chúng sanh bằng cách nào? Đức Phật giảng các bộ kinh, nói nhiều lời như thế, đều là từ Đệ Nhất Nghĩa biến thành Đệ Nhị Nghĩa, nên chúng ta mới có thể đạt được lợi ích, Ngài mới có thể giảng cho chúng ta để chúng ta nghiên cứu thảo luận, một hỏi, một đáp. Nếu trong Đệ Nhất Nghĩa thì ngay cả ý niệm cũng chẳng thể khởi lên, còn có nói năng, ngôn ngữ chi nữa? Vậy thì Phật cũng chẳng thể giáo hóa chúng sanh, chúng sanh cũng vĩnh viễn chẳng thể khai ngộ. Do vậy, phải chuyển Trí thành Thức, chuyển thành phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng, khởi những tác dụng ấy. Khởi lên những tác dụng ấy nhằm giáo hóa chúng sanh. Vì thế, biến hiện [những tác dụng ấy] để người khác thụ dụng, chẳng

phải để chính mình thụ dụng! Biến hóa tâm ý thức để người khác thụ dụng! Vì lẽ đó, chư Phật, Bồ Tát là trí và thức đồng thời khởi tác dụng, chẳng có thứ tự trước hay sau, vì sao? Ngài tự thụ dụng là Trí; nói cách khác, Ngài chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, mà cũng chẳng giữ lại ấn tượng, Ngài tự thụ dụng bốn trí Bồ Đề. Kẻ khác thụ dụng những gì? Tám thức. Vì thế, Phật là tám thức và bốn trí đồng thời. Đối với chính mình là bốn trí, đối với người khác là tám thức. Tám thức của Ngài do tứ trí biến hóa thành bát thức; vì thế, Ngài chẳng mê, chẳng phiền não. Đây là Trung Đạo Đề Nhất Nghĩa Đề.

Đích xác là phạm phu chúng ta chỉ có tám thức, chẳng có bốn trí, vì sao? Trong hết thấy các pháp bèn phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng, chuyện này phiền phức lớn lắm. Phiền phức gì vậy? Biến hiện lục đạo luân hồi như thế đó! Lục đạo luân hồi do chính mình biến ra, chính mình thoát chìm, thoát nổi trong ấy, ai có thể cứu quý vị? Không ai có thể cứu, người cứu quý vị vẫn là chính mình. Trừ chính mình ra, ai cũng đều chẳng thể cứu quý vị được! Quý vị nói Phật, Bồ Tát đại từ đại bi có thể cứu chúng ta, vậy thì Phật, Bồ Tát thật sự từ bi, đã sớm cứu thoát chúng ta hết cả rồi, lẽ đâu hiện thời chúng ta vẫn luân hồi sanh tử trong lục đạo? Phật, Bồ Tát không cứu được! Phật, Bồ Tát có thể cứu chúng ta bằng cách dạy cho chúng ta biết chân tướng sự thật này, chúng ta hiểu rõ rồi thì chính mình mới có cách, cách gì vậy? Giống như Phật, Bồ Tát, chẳng dùng tâm ý thức sẽ chẳng có luân hồi, sẽ giải thoát.

Vì vậy, các đồng tu phải hiểu rõ, trong cuộc sống hằng ngày, lục căn của chúng ta tiếp xúc cảnh giới lục trần, phải biết rằng gốc bệnh sâu đậm là “phân biệt, chấp trước, giữ lại ấn tượng”, căn bệnh ấy đáng sợ lắm! Căn bệnh ấy là căn bản sanh tử từ vô lượng kiếp đến nay. Ai có năng lực chẳng phân biệt, chẳng chấp trước, chẳng giữ lại ấn tượng khi lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần, ai có năng lực ấy? Người có năng lực ấy đã thành Phật, thành Bồ Tát, đã thoát lìa tam giới. Vì thế, tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn đều nói cùng một Lý này, chẳng có Lý thứ hai nào! Ngàn kinh vạn luận đều nhằm nói về một Lý này. Rất nhiều phương pháp đều nhằm dạy chúng ta hãy xoay chuyển quan niệm, hễ chuyển được sẽ thành công. Vì sao chẳng thể chuyển được? Tập khí quá sâu! Dùng tâm ý thức đã thành thói quen. Chúng ta biết phải chuyển, nhưng hễ gặp chuyện bèn ngay lập tức hồ đồ, mê muội, lại quen thói sử dụng [tâm ý thức], rắc rối ở chỗ này! Từ vô thủy kiếp tới nay đã dùng thành thói quen, nay xoay chuyển ngay lập tức sẽ chẳng thể chuyển được, chuyện này phiền lắm!

Nhưng chúng ta thấy cổ đức có nhiều vị thật sự chuyển được. Chúng ta phải đặc biệt lưu ý: Cớ sao các Ngài có thể chuyển được? Chúng ta nghiên cứu nguyên nhân, cổ nhiên [người ta sẽ] thường nói: “Đó là bậc tái lai! Người ta tu hành nhiều đời nhiều kiếp!” Nếu chúng ta bị câu nói này mê hoặc, sẽ bị họa hại nghiêm trọng! Nói thật ra, lời ấy chẳng sai, đó là thiện căn nhiều đời nhiều kiếp, nhưng bản thân chúng ta không có [thiện căn] ư? Chính chúng ta cũng là thiện căn nhiều đời nhiều kiếp, đúng như trong khi giảng nghĩa kinh Vô Lượng Thọ hôm thứ Tư, chúng ta đã đọc một đoạn trong đó có dẫn lời của Thiện Đạo đại sư: Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, chín phẩm sai biệt là vì chúng ta gặp duyên khác nhau. Lời ấy rất có lý, trong tâm chúng tôi bội phục! Nói cách khác, từ vô thủy kiếp tới nay, chúng ta luôn có thiện căn, người khác có thì ta cũng có, nhưng gặp duyên khác nhau, cho nên vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có chín phẩm sai biệt. Nói cách khác, ngày nay chúng ta gặp gỡ duyên thù thắng nhất, trong đời này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thượng phẩm thượng sanh. Nếu gặp duyên kém cỏi, có thể là chẳng thể vãng sanh được! Đúng là gặp duyên bất đồng! Nhân đều giống nhau, lời nói ấy mới thật sự có lý. Do vậy, chúng ta phải coi trọng cái duyên.

Duyên chẳng ngoài ba điều kiện: Thứ nhất là thiện tri thức, thứ hai là đồng tham đạo hữu, thứ ba là đạo tràng. Thiện tri thức chân chánh là gì? Thật sự nhận biết rõ ràng, chẳng hiểu sai lạc pháp môn này, chúng ta noi theo người ấy sẽ chẳng đi sai đường. Đồng tham đạo hữu cùng nhau tu hành, khích lệ, rèn giữa lẫn nhau. Chư vị đồng tu phải biết: Kinh Phật gọi sự nhận thức ấy là chánh tri chánh kiến, không dễ dàng! Tôi thừa cùng quý vị đồng học, trong nhiều năm qua, tôi cũng đã dạy không ít học trò, từng dạy chẳng ít Phật Học Viện, nay nghĩ lại thì chính mình cũng rất hổ thẹn, vì sao? Đúng là như người ta thường nói: “Khiến cho con em người khác lầm lạc!” Dạy học khiến cho con em của người khác bị lầm lỡ. Tôi dạy tại Phật Học Viện, trong quá khứ cũng đã khiến cho con em người khác bị lầm lạc, nhưng chẳng phải là cố ý, vì sao? Chính mình chẳng nhận biết rõ ràng, cứ ngẫm nhiên làm thầy! Nay mới hiểu rõ, mới hối hận! Nay tôi đã hiểu rõ, nhận biết đường lối rồi! Sau khi nhận rõ, mới thật sự giác ngộ cách dạy học của cổ nhân là đúng, chính xác; nay chúng ta [tự phụ chính mình] thông minh, tài trí, nghĩ ra một khuôn khổ phương pháp khác, đó là sai lầm.

Cổ nhân dùng phương pháp gì? Thâm nhập một môn. Mười năm trước, tức năm 1977, tôi đến giảng kinh tại Hương Cảng lần đầu tiên, giảng

kinh Lăng Nghiêm. Lúc ấy, lão pháp sư Hải Nhân ở Hương Cảng vẫn còn sống, năm sau Ngài viên tịch, tức là viên tịch năm 1978. Tôi đến viếng Ngài, khi ấy Ngài đã ngoài chín mươi tuổi, ở Hương Cảng, Ngài được xưng tụng là Thủ Lăng Nghiêm Vương. Sư cả đời chuyên giảng kinh Lăng Nghiêm. Tôi ở Hương Cảng, do tôi giảng kinh Lăng Nghiêm, nghe nói Ngài suốt đời nghiên cứu kinh Lăng Nghiêm, đương nhiên phải đến bái yết Ngài, trò chuyện rất hợp ý, được lão nhân gia chỉ dạy rất nhiều. Làm học trò của Ngài chẳng dễ dàng, Ngài dạy học theo lối xưa, chẳng dùng kiểu mới, nghe nói Ngài chỉ có sáu vị đồ đệ. Tư cách ra sao mới được Ngài thâm nhận làm học trò? Phải thuộc kinh Lăng Nghiêm! Không chỉ thuộc lòng kinh, mà còn phải thuộc lòng chú giải. Ngài chỉ định bản chú giải, nếu là tôi, tôi sẽ không chọn bản chú giải ấy! Sư chọn bản Đại Phật Đảnh Thủ Lăng Nghiêm Kinh Văn Cú do Ngẫu Ích đại sư trước tác. Trong quá khứ, tôi học Lăng Nghiêm, chọn bản chú giải Lăng Nghiêm Kinh Chánh Mạch của pháp sư Giao Quang. Bản Văn Cú tôi cũng có, [sách được đóng thành] mười tập, khâu gáy bằng chỉ, cả kinh lẫn chú giải đều phải thuộc lòng. Nếu chẳng thể thuộc, Ngài sẽ không thâm nhận. Làm học trò của Ngài phải học thuộc kinh Lăng Nghiêm, phải thuộc chú giải; nhưng học trò của Ngài người nào cũng có thành tựu, Ngài sử dụng phương pháp của cổ xưa.

Nếu chúng ta nghiên cứu Cao Tăng Truyện kỹ càng, từ xưa tới nay, thậm chí tại gia cư sĩ, họ thành tựu gần như chẳng có ngoại lệ nào, đều là suốt đời chuyên dồn công sức nơi một bộ kinh. Như vào đầu thời Dân Quốc, cư sĩ Giang Vị Nông suốt đời chuyên môn nghiên cứu kinh Kim Cang, ông ta dành ra bốn mươi năm dụng công nơi kinh Kim Cang, cuối cùng viết thành bộ Kim Cang Kinh Giảng Nghĩa, đó là thành tích nghiên cứu bốn mươi năm của ông ta. Cư sĩ Châu Chỉ Am nghiên cứu Tâm Kinh, Tâm Kinh hai trăm sáu mươi chữ, ông ta cũng phải tốn bốn mươi năm công phu để viết một bộ chú giải cho Tâm Kinh, tức Tâm Kinh Thuyên Chú. Quý vị suy nghĩ xem, tinh lực cả đời dồn vào một bộ kinh. Trong truyện ký của pháp sư Đàm Hư có đề cập “*bát tái hàn song độc Lăng Nghiêm*” (tám năm siêng gắng đọc kinh Lăng Nghiêm), đọc một bộ kinh Lăng Nghiêm suốt tám năm. Vì vậy, mọi người nếu muốn thành tựu, thật sự phải đổ công sức mười năm hay tám năm nơi một bộ kinh. Mười năm hay tám năm ấy rất khổ, không ai biết tới quý vị, không ai hỏi đến quý vị! Mười năm quanh quẩn siêng khổ học tập, học mười năm hay tám năm, quý vị sẽ khai ngộ! Hết ngộ bèn nhập Đệ Nhất Nghĩa. Sau khi ngộ, hết thấy các kinh luận đều thông, tức là “*một kinh thông, hết thấy các kinh đều thông*”.

Con người hiện tại đi lạc đường, vì sao? Hễ vừa dụng công bèn sách này cũng phải đọc, sách kia cũng phải xem, thứ gì cũng đều đọc, mong thứ gì cũng đều hiểu, kết quả là sau khi đọc, thứ gì cũng đều không hiểu! Những gì quý vị hiểu đều là kiến thức thông thường bề ngoài, thậm chí ngay cả kiến thức thông thường cũng nói sai be bét! Vì sao? Vì quý vị chưa nhập cảnh giới, chưa nhập **Đệ Nhất Nghĩa**! Phải là sau khi khế nhập thì mới được, mới là thật, chẳng giả.

Do điều này, chúng ta hãy suy nghĩ, trước đây coi thường, tưởng phương pháp cổ xưa là cũ rích, đáng phải nên đào thải, nay ta thật sự hiểu rõ phương pháp ấy là phương pháp cao minh nhất. Các phương pháp tách lìa phương pháp ấy đều là sai lầm; nhất định phải thâm nhập một môn! Quý vị muốn nghiên cứu kinh **Di Đà**, hãy đọc **Sớ Sao**, hoặc đọc **Yếu Giải**; mỗi ngày đọc một lần, quý vị niệm suốt mười năm, chẳng gián đoạn bữa nào. Nói cách khác, tâm quý vị đã định rồi, đó là **Niệm Phật tam-muội**, vì sao? Trong tâm quý vị chẳng hề nghĩ đến điều gì khác, tâm định nơi chuyên nhất, đó là **Niệm Phật tam-muội**. Quý vị có **Định**, **Định** lâu ngày sẽ khai trí huệ, nhất quyết chớ nên tam tâm nhị ý. Nếu chư vị muốn thành tựu, niệm kinh **Vô Lượng Thọ** cũng được, mà niệm kinh **Quán Vô Lượng Thọ Phật** cũng được, nhưng chỉ nên niệm một thứ, đừng nên niệm hai thứ, hãy thâm nhập một môn!

Ở đây, Tổ trích dẫn mấy câu từ bộ **Đại Luận**, **Bồ Tát** biết người thế gian nói “Ta”, Ngài hiểu rõ rằng “Ta” là bất khả đắc. Vì thế, để tự mình thụ dụng thì là vô ngã tướng, chẳng trái nghịch **Đệ Nhất Nghĩa**. Tùy thuận chúng sanh nên nói “Ta”, sự tùy thuận chúng sanh ấy chính là lòng đại từ đại bi lưu lộ từ chân tánh để người khác thụ dụng. Nhằm giáo hóa và lợi ích chúng sanh mà nói “Ta”, tuyệt đối chẳng phải là chính mình có phân biệt, có chấp trước. Ý nghĩa thứ hai là nói:

(Sao) Nhị vân phá tà kiến giả, vị tà ngã, mạn ngã, danh tự ngã, thế tục nhân cụ tiền nhị ngã, học đạo nhân cụ hậu nhị ngã, thánh nhân duy tối hậu ngã, thuận tục xưng ngã, dẫn thị danh tự, thật vô tà mạn, cố vô quá cữu.

(鈔)二云破邪見者，謂邪我、慢我、名字我，世俗人具前二我，學道人具後二我，聖人唯最後我，順俗稱我，但是名字，實無邪慢，故無過咎。

(Sao: Hai, nói “phá tà kiến” là muốn nói tới tà ngã, mạn ngã, và danh tự ngã. Người thế tục có đủ hai thứ ngã đầu, người học đạo có đủ

hai thứ ngã sau, thánh nhân chỉ có loại ngã cuối cùng. Thuận theo thể tục nên xưng là ta, nhưng đó chỉ là danh tự, chứ thật sự chẳng có tà ngã hay mạn ngã, nên chẳng phạm lỗi gì!)

Ở đây, [lời Sao] đã nêu lên ba điều;

- Thứ nhất là tà kiến. Tà kiến là kiến giải sai lầm. Căn bản là không có ta, nhưng ngỡ là có Ta, đó gọi là Tà Ngã.

- Thứ hai là Mạn Ngã, kiêu căng, ngạo mạn. Chỉ cần có Ngã thì chắc chắn sẽ có Mạn. Chữ [Mạn] này là một chướng ngại rất lớn. Vì có Ngã Kiến, nhất định có ngạo mạn, nói chung là luôn [tương] mình mạnh hơn người khác, người khác chẳng bằng ta, chẳng biết hết thấy các pháp bình đẳng, hết thấy các pháp “tướng Có, thể Không”, chắc chắn là bình đẳng. Trong sự bình đẳng, đẩy lên sự ngạo nghễ, ngã mạn, tâm bình đẳng mất đi! Nếu tâm chẳng bình đẳng, chắc chắn chẳng thể kiến tánh, chắc chắn chẳng thể phá nghiệp chướng, ngã mạn là nghiệp chướng. Vì thế, tu trì Phật pháp, pháp môn thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”, vì sao phải tu lễ kính? Phá ngã mạn! Nói cách khác, phá trừ nghiệp chướng. Chướng ngại ấy sẽ ngăn trở quý vị mình tâm kiến tánh, ngăn trở Bồ Đề Niết Bàn của chính mình. Không chỉ chướng ngại điều ấy (Bồ Đề Niết Bàn), mà hễ có ngã mạn, nhất định sẽ tạo tội nghiệp. Chính mình ngạo nghễ, khinh mạn người khác, đây là tạo tội nghiệp. Đừng tưởng tội nghiệp ấy rất nhỏ, tội nghiệp rất nhỏ nhưng hằng ngày tích lũy sẽ biến thành chướng ngại trọng đại, chướng ngại quý vị học đạo! Không chỉ đạo nghiệp chẳng thể thành tựu, mà thậm chí nó còn chướng ngại quý vị lý giải kinh luận. Kẻ kiêu căng, ngạo mạn nghe kinh sẽ không hiểu, mà cũng chẳng thể khai ngộ. Nếu kẻ ấy ngộ thì đều là ngộ nơi đường tà, suy nghĩ lệch lạc, chẳng thể ngộ chánh pháp. Điều này đúng là vô cùng nghiêm trọng.

- Thứ ba là Danh Tự Ngã, Danh Tự nghĩa là hữu danh vô thực.

Tiếp đó, Tổ phân tích: Người thế tục trọn đủ hai thứ Ngã trước đó, tức là Tà Ngã và Mạn Ngã. Người học đạo trọn đủ hai loại Ngã trong phần sau, tức là Mạn Ngã và Danh Tự Ngã, vì sao? Họ có kiến giải chính xác. Chẳng hạn như hàng Sơ Quả Tiểu Thừa, đã chứng Sơ Quả, kiến giải chính xác, chẳng có Tà Ngã, nhưng có Mạn Ngã. Vì sao có Mạn Ngã? Vì họ đã đoạn Kiến Hoặc, nên không có kiến giải sai lầm, nhưng chưa đoạn Tư Hoặc, tham, sân, si, mạn chưa đoạn, nên Ngã của họ thuộc loại Mạn Ngã, chẳng phải là Tà Ngã. Đạt tới địa vị Đại Bồ Tát, Tư Hoặc đoạn sạch, Mạn Ngã chẳng còn nữa, sau đây, nói Ngã với chúng ta, các Ngài cũng nói Ngã, [cái Ngã ấy] là Danh Tự Ngã, chẳng trở ngại Sự, [vì Ngã ấy] hữu

danh vô thực. Nhằm thuận tiện nói năng, đó là mảnh khóc giáo hóa chúng sanh, bắt đắc dĩ, chứ vị nghĩ thứ này là Ta ư? Được rồi! Tôi cũng gọi nó là Ta, chứ thật sự chẳng có ngã mạn. Vì thế, thánh nhân xưng Ta trọn chẳng có khuyết điểm! Điều thứ ba....

(Sao) Tam, bắt trước Vô Ngã giả, chư thánh nhân tri nhất thiết pháp Không, Thật Tướng Vô Ngã, nhi bắt trước Không, bắt trước Vô Ngã.

(鈔) 三不著無我者，諸聖人知一切法空實相無我，而不著空，不著無我。

(Sao: Ba là chẳng chấp trước Vô Ngã. Các vị thánh nhân biết hết thấy các pháp là Không, Thật Tướng Vô Ngã, nhưng chẳng chấp trước Không, chẳng chấp trước Vô Ngã).

Ý nghĩa này vô cùng trọng yếu. Chấp Không và chấp Có đều sai lầm như nhau, vì sao? Chẳng đoạn chấp trước thì chẳng qua là thay đổi đối tượng chấp trước mà thôi. Đức Phật dạy chúng ta phá chấp trước, chứ Ngài chẳng bảo chúng ta thay đổi đối tượng chấp trước, quý vị phải biết điều này! Ngài biết Thật Tướng Vô Ngã, nhưng chẳng chấp trước tướng Vô Ngã, cho nên khi khởi tác dụng tùy thuận chúng sanh thì vẫn nói “Ta” giống hệt như chúng sanh. Nói Ta, nhưng chẳng chấp Ngã Tướng, chẳng chấp Không Tướng, tức là hai bên đều chẳng chấp trước.

(Sao) Hựu Du Già hữu tứ ý, đại lược đồng thử, đệ tam nghĩa ngôn, nhược định vô ngã, thù vi tu học, nhân tắc sanh bố, cố bắt trước Vô Ngã.

(鈔) 又瑜伽有四意，大略同此，第三義言，若定無我，誰為修學，人則生怖，故不著無我。

(Sao: Lại nữa, Du Già Sư Địa Luận [nói Ngã] có bốn ý, đại khái giống những điều đang được nói ở đây. [Trong bốn nghĩa ấy], nghĩa thứ ba là: Nếu cứ khẳng khẳng vô ngã, ai sẽ tu học, người ta sẽ sanh lòng sợ hãi; vì thế, chẳng chấp trước Vô Ngã).

Đây là trích dẫn một đoạn trong Du Già Sư Địa Luận để chứng minh, nhằm đặc biệt chứng minh câu thứ ba “do chẳng chấp trước Vô Ngã”. Du Già Sư Địa Luận nói: Vô Ngã thì người nào học Phật? Ai sẽ tu hành?

(Sao) Hựu Quán Kinh Sớ vân: “Vô ngã tức vô văn, vô văn tức hóa đạo tuyệt. Vị truyền hóa bất tuyệt, giả danh thuyết Ngã”.

(鈔)又觀經疏云：無我則無聞，無聞則化道絕，為傳化不絕，假名說我。

(Sao: Lại nữa, Quán Kinh Sớ viết: “Vô ngã thì không nghe, không nghe thì sự hóa độ tu học bị chấm dứt. Nhằm truyền thừa, hóa độ chẳng dứt, nên giả danh nói Ngã”).

Trong Quán Kinh [Sớ] cũng nói rõ ràng: Vô ngã thì không có ai truyền pháp, mà cũng chẳng có cách nào thực hiện tự lợi, lợi tha. Nói cách khác, hai phương diện tự hành và giáo hóa chúng sanh đều chẳng thể thành tựu. Vì lẽ đó, Bồ Tát chẳng chấp trước Ngã, mà cũng chẳng chấp trước Vô Ngã. Ngã và Vô Ngã hai đằng đều chẳng chấp trước, ý nghĩa này mới là chân nghĩa! Nói “chân nghĩa” tức là ba thứ Thể, Tướng, Dụng đều trọn đủ, ba thứ ấy đồng thời. Nói theo Thể, vô ngã, Thể là không tịch; còn nói theo Tướng thì sao? Tuy Thể là Không, nhưng nó có thể hiện tướng, nơi tướng có Ngã hay chẳng? Nơi tướng cũng vô ngã. Thể vô ngã, mà tướng cũng vô ngã, Ngã do đâu mà có? Ngã từ Dụng mà có. Chúng ta khởi tác dụng, tức là tác dụng tự hành, hóa độ người khác. Từ tác dụng mà kiến lập cái Ngã; cái Ngã ấy được gọi là Danh Tự Ngã, vì sao? Thể lẫn Tướng đều bất khả đắc, hữu danh vô thực, chẳng trở ngại gì!

Dụng là Trung Đạo. Phật pháp nói “dụng Trung”, Nho gia cũng “dụng Trung”. Nho gia vận dụng Trung Dung, quả thật là anh hùng có cái nhìn đại lược giống nhau. Khổng lão phu tử và Thích Ca Mâu Ni Phật chưa hề gặp mặt, chưa từng tiến hành hội đàm, nhưng đích xác là kiến giải chẳng khác biệt cho mấy, đều là “dùng Trung”. Điều này rất tuyệt, vận dụng Trung Đạo. Bởi lẽ, Thể, Tướng, Dụng đồng thời, chẳng có thứ tự trước hay sau. Vì thế, đức Phật giảng kinh, thuyết pháp nhằm chỉ dạy chúng ta tu hành theo cách nào, thấy đều là dùng Trung. Nếu chúng ta cũng biết dùng Trung, sẽ nhập Phật tri kiến, sẽ tương ứng với Phật pháp. Vì sao chúng ta học Phật chẳng giống? Vì sao học Phật chẳng thành tựu? Vì chẳng dùng Trung! Quý vị biết Chân, biết Chân Không, sẽ thấy thấu suốt hết thấy các pháp không có tự tánh, không có tự thể, Thể là Không! Thấy thấu suốt. Biết hết thấy các tướng là giả; chẳng có tướng nào là thật, quý vị sẽ buông xuống. Đã thấy thấu suốt lại buông xuống, quý vị sẽ tự tại. Tự tại là Trung, cuộc sống của quý vị đạt tự tại, nay chúng ta gọi điều này là “chân, thiện, mỹ, huệ”, hạnh phúc mỹ mãn, Phật pháp gọi điều này là Trung Đạo. Quý vị có thể sống trong Trung Đạo, ngập tràn “chân, thiện,

mỹ, trí huệ”, chắc chắn quý vị sống đời hạnh phúc nhất, viên mãn nhất. Có thể thấy sự thụ dụng trong Phật pháp chẳng thuộc trong đời sau, mà là hưởng thụ ngay trong hiện tại, tùy thuộc quý vị có biết sử dụng hay không, có thật sự triệt để hiểu rõ hay không? Biết sử dụng thì không gì chẳng được tự tại!

Những chỗ như thế này chúng ta đều phải học tập. Học tập chẳng phải là học tập theo hình dáng, mà phải thật sự học giống như Phật, thấu hiểu Thật Tướng của các pháp, triệt để hiểu rõ Chân, Giả, Trung là một, không hai. Bất luận pháp nào cũng đều trọn đủ Chân, Giả, Trung. Tông Thiên Thai nói Nhất Tâm Tam Quán, tùy tiện lấy một pháp nào, to như thế giới, hoặc nhỏ như vi trần, không pháp nào chẳng trọn đủ Nhất Tâm Tam Quán. Giống như chúng ta cầm lấy trang giấy này, đây là một pháp. Nói về Thể, bản thể của nó là Không, chẳng có tự thể, Tướng của nó là Giả. Chúng ta dùng nó để đánh dấu [trang sách đang đọc dở], nó khởi tác dụng, Dụng là Trung, chúng ta dùng Trung! Có trở ngại Thể và Tướng hay chẳng? Chẳng trở ngại! Vì thế, Thể, Tướng, Dụng đồng thời, chẳng hề tách rời, pháp nào cũng đều là như thế. Nếu quý vị tiến nhập chỗ này, sẽ đạt được đại tự tại. Từ nay trở đi, chẳng còn lo âu, vướng mắc, tâm và toàn thể vạn pháp hợp thành nhất thể, thụ dụng tự tại!

(Sao) *Pháp Thân chân ngã giả, ước bốn nhi ngôn.*

(鈔) 法身真我者，約本而言。

(Sao: “*Pháp Thân là Chân Ngã*”, tức là nói theo phương diện bản thể).

Đây là nói theo bản thể.

(Sao) *A Nan diệc thông Pháp Thân Ngã dã, dĩ vô ngã pháp trung, hữu chân ngã, tức Pháp Thân Ngã, như Niết Bàn Thường Lạc Ngã Tịnh chi Ngã, hà ngại ư vô ngã?*

(鈔) 阿難亦通法身我也，以無我法中，有真我，即法身我，如涅槃常樂我淨之我，何礙於無我。

(Sao: *A Nan cũng thông suốt Pháp Thân Ngã, do trong pháp vô ngã có chân ngã, tức là Pháp Thân Ngã, như Ngã trong Thường Lạc Ngã Tịnh [được nói trong kinh] Niết Bàn, nên [nói Ngã] há trở ngại vô ngã?*)

Trí Giả đại sư chú giải kinh Pháp Hoa, trong bộ Pháp Hoa Kinh Văn Cú, Ngài đã chia kinh Pháp Hoa thành hai phần: Nửa bộ đầu và nửa bộ sau. Kinh Pháp Hoa có tất cả bảy quyển, hai mươi tám phẩm, mười bốn phẩm đầu thuộc nửa bộ đầu, mười bốn phẩm sau thuộc nửa bộ cuối. Trong mỗi nửa bộ đều có ba phần là Tự Phần, Chánh Tông Phần và Lưu Thông Phần, cách phân định ra sao? Tức là Bốn Tích Nhị Môn, chia thành hai môn là Bốn Môn và Tích Môn. Nói tới Tích Môn thì Tích (迹) là dấu vết, hình tướng, dùng tỷ dụ để nói, sẽ giống như diễn tuồng. Nói Tích là nói trên sân khấu, quý vị mang thân phận nào, đó là Tích. Nói tới Bốn (本) thì quý vị ở sau sân khấu có thân phận [thật sự như thế nào], đó là Bốn. Bốn Tích nhị môn [là như vậy đó]. Nói theo mặt dấu vết, hình tướng (Tích Môn), tôn giả A Nan là một đệ tử của Thích Ca Mâu Ni Phật, là Sơ Quả Tu Đà Hoàn. Đây là nhìn từ tướng, giống như diễn tuồng, Ngài đóng vai ấy, thủ diễn vai ấy, phải diễn cho thật giống. Đóng vai nào thì phải [diễn xuất] giống như vai trò ấy, đó là nói theo mặt hình tướng, dấu vết. Nói theo Bốn, ngài A Nan là Đại Bồ Tát thị hiện nhằm giúp Thích Ca Mâu Ni Phật giáo hóa chúng sanh, giống như trợ giáo của Thích Ca Mâu Ni Phật. Ngài chẳng thật sự là một vị Tu Đà Hoàn trong Tiểu Thừa, mà là Đại Bồ Tát tái lai. Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, nhìn theo hình tích, là học trò của Thích Ca Mâu Ni Phật, là Tiểu Thừa Tứ Quả La Hán, có địa vị như thế. Nếu nhìn theo diện mạo sau sân khấu, các Ngài đã sớm thành Phật, là các vị cổ Phật tái lai!

Đó gọi là “*nhất Phật xuất thế, thiên Phật ủng hộ*”, nghĩa là một vị Phật xuất thế giáo hóa chúng sanh, một ngàn Phật (không chỉ là một ngàn vị Phật), chư Phật có duyên với vị Phật ấy, có duyên với chúng sanh thấy đều đến ủng hộ, giúp đỡ vị Phật ấy giáo hóa chúng sanh. Những vị đến ủng hộ, có vị thị hiện thân phận xuất gia như Mục Kiền Liên, Xá Lợi Phất, A Nan; có vị thị hiện thân phận tại gia như vua Ba Tư Nặc thuở ấy là hộ pháp của Thích Ca Mâu Ni Phật. Nhà vua là Tứ Địa Bồ Tát, phát tâm đến hộ pháp. Chư vị phải hiểu [những vị làm công tác] hoằng pháp và hộ pháp đều chẳng dễ dàng, đều là Bồ Tát tái lai! Chẳng phải là Bồ Tát, nói thật thà, ai nhận biết Thích Ca Mâu Ni Phật? Ai coi Ngài như vật báu? Ủng hộ như vậy, nhất định phải là kẻ thật sự nhận biết giá trị. Ai nhận biết giá trị? Chư Phật, Bồ Tát nhận biết giá trị, chứ phàm phu chẳng biết! Phàm phu chẳng nhận biết giá trị, cho nên người ủng hộ thường ngờ ma là Phật!

Nếu chư vị nghiên cứu chú giải kinh Vô Lượng Thọ kỹ lưỡng, trong chú giải đã giảng rất rõ ràng, A Di Đà Phật phát bốn mươi tám nguyện, vì sao Ngài phải phát ra nguyện này, nguyện nọ? Trong các nguyện ấy có

nói tới Tha Tâm Thông, hễ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn có Tha Tâm Thông. Đây là đức Phật thấy khá nhiều chúng sanh trong mười phương thế giới có trí huệ, nhưng thiếu phước đức, hoặc có phước báo, nhưng thiếu trí huệ. Có lúc lại có đức, nhưng không có quyền vị, như Đào Uyên Minh (Đào Tiềm), “*lui về đi thôi*” (quy khứ lai hễ), rút lui! Vì sao? Suốt đời ôm ấp học vấn, nhưng chẳng có chỗ dùng, không nơi dụng võ! Lại có những kẻ thiếu đức lại giữ địa vị rất cao, địa vị rất cao ấy sẽ tổn hại dân chúng khá nhiều. Nếu có Tha Tâm Thông, chúng ta sẽ ủng hộ người hữu đức hữu học, hết thảy dân chúng đều hưởng lợi lạc! Có thể thấy Tha Tâm Thông vô cùng trọng yếu. Vì thế, A Di Đà Phật mới phát nguyện như sau: Phàm là người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thấy đều đắc Tha Tâm Thông. Nếu có một ai chẳng đắc Tha Tâm Thông, Ngài sẽ chẳng thành Phật. Nhất là trong thời kỳ Mạt Pháp, pháp yếu, ma mạnh, vì sao ma mạnh mẽ? Ma tu phước, phước báo to lớn. Người thật sự học Phật, thật sự phát tâm, phước báo kém hơn ma vương! Thật sự phát tâm thì làm như thế nào? Vội vã cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, về đi thôi, vì sao? Chẳng có phước báo, sẽ chẳng thể độ chúng sanh! Từ kinh luận, chúng ta có thể thấy những chỗ như vậy, đều phải nên biết.

Ngài A Nan đã là Pháp Thân đại sĩ, nhất định Ngài đã sớm chứng đắc Tam Đức bí tạng. Tam Đức là Pháp Thân, Bát Nhã, Giải Thoát, Ngài đã chứng đắc! Mỗi đức trong Tam Đức đều có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, thật đấy, chẳng giả đâu! Pháp Thân có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chân thật, Bát Nhã cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chân thật, Giải Thoát cũng có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chân thật; đây là Chân Ngã, chẳng phải là Giả Ngã! Trong kinh có tám cách định nghĩa chữ Ngã, chúng ta chỉ nói hai định nghĩa trọng yếu nhất:

1) Ý nghĩa thứ nhất là “chủ tể”. Ngã có nghĩa là chủ tể, tức là chính mình làm chủ. Nay chúng ta hãy suy nghĩ, bản thân chúng ta có thể làm chủ hay chẳng? Nếu ta có thể làm chủ, năm nào cũng là mười tám tuổi thì ta mới làm chủ được! Ta chẳng già, chẳng bệnh, chẳng chết thì mới có thể làm chủ. Ngày nay, tuy ta mong mỏi như thế, vẫn phải già, vẫn phải bệnh, vẫn phải chết, [tức là] không thể làm chủ, không có Ngã!

2) Ý nghĩa thứ hai là “tự tại”. Ngã có nghĩa là “tự tại”. Chúng ta cũng chẳng đạt được tự tại! Nhưng Pháp Thân thật sự làm chủ, thật sự tự tại. Bát Nhã và Giải Thoát đều là tự tại, đều làm chủ, cho nên chúng có ý nghĩa Ngã!

Vì thế, nói theo Bồn, đại Bồ Tát hóa thân có Chân Ngã. Tuy các Ngài miệng nói Ngã để hàng thuận chúng sanh, vẫn tương ứng với Tự Tại

Ngã của chính mình, chẳng phải là gạt người, nên nói lời ấy trọn chẳng nói sai!

“*Vô ngã pháp trung, hữu Chân Ngã, tức Pháp Thân Ngã*” (trong pháp vô ngã có Chân Ngã, tức Pháp Thân Ngã). Tự tánh là Chân Ngã, tức là Pháp Thân. Pháp Thân Ngã là Chân Ngã. “*Như Niết Bàn Thường, Lạc, Ngã, Tịnh chi Ngã*”: Có Chân Thường, Chân Lạc, Chân Ngã, có thanh tịnh chân chánh (Chân Tịnh). Đối với phàm phu và Tiểu Thừa, Quyền Giáo Bồ Tát, bốn chữ “*Thường, Lạc, Ngã, Tịnh*” là hữu danh vô thực. Tứ Niệm Xứ dạy chúng ta hãy dùng trí huệ để quan sát, nhưng trong cảnh giới phàm phu không có [Thường, Lạc, Ngã, Tịnh]. “*Quán thân bất tịnh*”, không có Tịnh! “*Quán Thọ là khổ*”, không có Lạc! “*Quán pháp vô thường*”, không có Thường! “*Quán tâm vô ngã*” [không có Ngã]. Bốn chữ ấy hàng Pháp Thân đại sĩ đều có, các Ngài có Thường, Lạc, Ngã, Tịnh, quả thật trọn đủ bốn tịnh đức ấy, chẳng thiếu thứ gì! Nay chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật để chứng đại Niết Bàn, chứng Pháp Thân, niệm tới trình độ nào? Niệm tới Lý nhất tâm bất loạn bèn chứng đắc, hoặc phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, chính mình sẽ đạt được, thật sự thụ dụng bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh ấy. Những vị Đại Quyền Bồ Tát thị hiện có nói Ta, há trở ngại vô ngã? Các Ngài quả thật có thể nói Ngã. Dưới đây là giảng chữ Văn:

(Sớ) Văn giả, nhĩ căn phát thức, phệ biệt tùng tổng.

(疏) 聞者耳根發識，廢別從總。

(Sớ: Văn là nhĩ căn sanh nhĩ thức, bỏ biệt, theo tổng).

Lẽ ra nên nói Văn là “*nhĩ văn*” (tai nghe), vì sao nói “*ngã văn*” (ta nghe)? “*Nhĩ*” là lục căn, là biệt, “*Ngã*” là tổng. Nói “*ngã văn*” cũng được, mà nói “*nhĩ văn*” cũng thể. Bỏ cái riêng biệt, thuận theo tổng quát, nên nói “*ngã văn*”.

(Sớ) Cổ vân “ngã văn”, Đại Thừa trung tam, Thi Giáo vô văn, Chung Giáo văn nhi bất văn, Đốn Giáo vô văn bất văn.

(疏) 故云我聞，大乘中三，始教無聞，終教聞而不聞，頓教無聞不聞。

(Sớ: Vì thế, nói là “ta nghe”. Trong Đại Thừa có ba loại nghe: Thi Giáo không nghe, Chung Giáo nghe mà chẳng nghe, Đốn Giáo không có Nghe và Chẳng Nghe).

Tông Hiền Thủ giảng Ngũ Giáo là Tiểu, Thi, Chung, Đốn, Viên. Loại trừ Tiểu Giáo ra, đó là Tiểu Thừa, vì kiến giải của Tiểu Thừa giống như phàm phu. Thi Giáo là bắt đầu của Đại Thừa, cho nên bắt đầu nói từ chỗ này. Trong ba câu ấy, Văn là pháp Có, Vô Văn là Không, quy nạp lại [sẽ là] một đẳng Không, một đẳng Có. Thi Giáo nói hết thấy các pháp là Không, hoàn toàn chú trọng quan sát Thể của hết thấy các pháp, quan sát từ Lý Thể của hết thấy các pháp, nên thành lập giáo nghĩa “*vạn pháp giai Không*”. Do vậy nói họ “*vô văn*”, vạn pháp đều là Không!

Chung Giáo là nửa sau của Đại Thừa, Thi Giáo là nửa đoạn đầu của Đại Thừa. Đức Phật nói đến Không là nói đến bản thể. Nửa đoạn sau là từ Thể khởi Dụng, khởi Dụng là hiện tượng, hiện tượng chính là Có. Phân chia đại lược thì Phật giáo có hai tông là Không và Hữu. Phân chia tỉ mỉ thì trong Không Tông có rất nhiều phân phái. Trong Hữu Tông lại có rất nhiều tông, nói nghiêm ngặt, quy nạp toàn thể lại sẽ là hai tông Không và Hữu. Không và Có là một, chẳng hai! Không là nói về Thể. Có Thể, nhất định có Tướng. Thể chẳng lìa Tướng. Tướng nhất định có Thể, Tướng chẳng rời Thể. Do đó, Thể và Tướng là một, không hai. Nhằm khiến cho chúng ta giác ngộ, nhằm thuận tiện thuyết pháp, nên đức Phật nói Thể, nói Tướng. Nói tới Thể, chúng ta chớ nên chấp trước Thể. Nói tới Tướng, chúng ta chớ nên chấp Tướng. Quý vị chấp Tướng sẽ chẳng ngộ Thể. Quý vị chấp trước Thể, nhất định bị Tướng mê hoặc. Nói cách khác, Thể và Tướng thấy đều không hiểu rõ, chẳng cần phải chấp trước chúng, đó là hiểu rõ Thể và Tướng. Do vậy, nói Không là do Không mà ngộ Diệu Hữu; nói tới Hữu, là từ trong Hữu ngộ Chân Không. Bất luận giảng theo cách nào, cảnh giới ngộ nhập là một, không hai, là cùng một cảnh giới, lúc ấy mới gọi là “*pháp môn vô nhị, vô biệt*” (pháp môn chẳng hai, chẳng khác)! Tuy pháp môn muôn vàn sai khác, hễ ngộ nhập sẽ là một; có như vậy thì mới có thể thật sự thụ dụng Phật pháp.

“*Đại Thừa Chung Giáo thị song chiếu nhị biên*” (Chung Giáo của Đại Thừa chiếu soi cả hai bên), Thể và Tướng đều nói, cho nên nói là “*nghe, nhưng chẳng nghe*”. Ở đây, [lời Sao] giảng “*Chung Giáo văn nhi bất văn*” (Chung Giáo nghe nhưng chẳng nghe). Nói cách khác, đến khi ấy mới hiểu Không và Hữu là một, không hai: “*Tức Hữu nhi Không, tức Không nhi Hữu*” (Hữu chính là Không, Không chính là Hữu), đúng là “*song chiếu nhị biên*”. Trong Tâm Kinh có nói: “*Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”. Sắc là có, Sắc là tướng, tức sắc tướng. Không là Chân

Không, là Thễ, Thễ là Không. Vì vậy, nói: “*Sắc bất dị Không, Không bất dị Sắc. Sắc tức thị Không, Không tức thị Sắc*”.

“*Đốn Giáo vô văn bất văn*” (Đốn Giáo không có Nghe và Chẳng Nghe). “*Đốn giáo thị song giá nhị biên*” (Đốn Giáo ngăn che cả hai bên [Có và Không]). Chung Giáo là song chiếu, “song chiếu” là vừa Có vừa Không, cũng Có cũng Không, nói theo Tướng thì Có! Nói theo Thễ sẽ là Không. Đốn Giáo là “*song giá*”. Song Giá là Không lẫn Có đều chẳng có; không chỉ chẳng có Không, mà ngay cả Có cũng chẳng có. Đó là Song Giá. Đốn Giáo “*vô văn diệt vô bất văn*” (không có nghe mà cũng chẳng phải là không có nghe). Không Nghe và Không Chẳng Nghe, cả hai đẳng đều tách lìa. “*Vô văn*” (không nghe) là ngăn lấp Có, “*vô bất văn*” (chẳng phải là không nghe) nhằm ngăn lấp Không, đây mới là Trung Đạo song giá nhị biên. Song Chiếu là Trung Đạo, Song Giá cũng là Trung Đạo, họ thụ dụng giống hệt như nhau, tương đồng. Phương pháp để tiến nhập khác biệt, một đẳng tiến nhập bằng Song Giá, một đẳng tiến nhập bằng Song Chiếu. Thật ra, sau khi đã tiến nhập sẽ tương đồng. Các giáo nghĩa thông thường đều nói như vậy.

(Sớ) Ước đương tông.

(疏) 約當宗。

(Sớ: Nếu xét theo tông này).

Chữ “*đương tông*” chỉ Tịnh Độ Tông chúng ta. Cách nhìn và cách giảng chữ Văn trong tông này như thế nào?

(Sớ) Tắc truyền pháp thánh nhân, dĩ ngã vô ngã bất nhị chi Chân Ngã, căn cảnh phi nhất dị chi diệu nhĩ, văn Sa Bà Cực Lạc vô chương ngại chi pháp môn dã.

(疏) 則傳法聖人，以我無我不二之真我，根境非一異之妙耳，聞娑婆極樂無障礙之法門也。

(Sớ: Bậc thánh nhân truyền pháp, lấy Ngã và Vô Ngã chẳng hai làm Chân Ngã, lấy Căn và Cảnh chẳng một, chẳng khác làm cái tai nhiệm mầu, để nghe pháp môn chẳng chướng ngại giữa Sa Bà và Cực Lạc).

Đây là giải thích theo giáo nghĩa của tông này. Nên giảng câu “*dĩ ngã vô ngã bất nhị chi chân ngã*” như thế nào? Ngã là Có, nói theo Tướng. Vô Ngã là nói theo Thễ. “*Ngã vô ngã bất nhị*” là Thễ và Tướng chẳng hai, mà cũng là Tánh và Tướng như nhau, cũng là: Có chính là Không,

Không chính là Có, chẳng phải Có, chẳng phải Không, hoàn toàn kiến lập từ Trung Đạo; nói tới ý nghĩa này! Vì sao? Vì tông của chúng ta là Đại Thừa Đốn Giáo, pháp môn này thành tựu trong một đời, bảy ngày thành tựu. Pháp môn Niệm Phật là Đốn Giáo, có thể nói các vị tổ sư đại đức các tông các phái xưa nay đều công nhận: Đây là pháp môn Đốn Giáo, viên cực, đốn cực. Vì thế, phải chọn cách nhìn của Đốn Giáo để [giảng giải chữ Văn] thì mới là đúng.

“*Căn Cảnh phi nhất dị chi diệu nhĩ*”: “Căn” là Nhĩ Căn. “Văn” sử dụng Nhĩ Căn, “Cảnh” là âm thanh. Đối tượng của Nhĩ là âm thanh. “*Căn cảnh nhược nhất, tắc nhị câu thành không*” (Nếu Căn và Cảnh là một, thì hai thứ đều trở thành Không), rỗng không, cả hai thứ [Căn và Cảnh] đều chẳng thể thành lập. “*Kim phi nhất, phi dị, tắc Không Hữu song khiển, tức thị Đốn Giáo song giá Trung Đạo dã*” (Nay chẳng một, chẳng khác, tức là Không lẫn Hữu đều mất, chính là Trung Đạo ngăn lấp hai bên trong Đốn Giáo vậy). Chẳng thể nói là một, mà cũng chẳng thể nói là “dị” (khác). “Dị” là chẳng một. Một và Chẳng Một đều chẳng thể kiến lập, đó mới là diệu! Nói Nhất, sẽ chẳng là Dị; nói Dị sẽ chẳng là Nhất. Nay Không và Có cùng tồn tại, Không và Có chẳng hai, song giá, song chiếu, giá và chiếu đồng thời, chúng ta thường nói là “*Tịch mà thường Chiếu, Chiếu mà thường Tĩnh*”. Vì thế, cái Tai này tuyệt diệu tốt bậc, sử dụng cái Tai tuyệt diệu này [để nghe]!

“*Văn Sa Bà Cực Lạc vô chương ngại chi pháp môn*” (nghe pháp môn chẳng chương ngại nơi Sa Bà và Cực Lạc): Sa Bà là nơi chúng ta đang cư trú; Cực Lạc là nơi chúng ta muốn đến. Tuy kinh nói hai nơi này cách nhau mười vạn ức cõi Phật, nói thật ra, Sa Bà vắng sanh Cực Lạc chẳng ngăn ngại, thế giới Cực Lạc cũng chẳng ngăn ngại thế giới Sa Bà. Đó là “*câu tồn*” (cùng tồn tại)! Đây là pháp môn Song Chiếu. “*Sở vị cứu cánh cực quang, bất vi phạm phu nhất niệm*” (Tức là nói quang minh tốt bậc rốt ráo chẳng ra ngoài một niệm của phạm phu), giảng như thế nào? Y báo và chánh báo trang nghiêm trong mười pháp giới, đương nhiên trong ấy bao gồm cả Sa Bà lẫn Cực Lạc, đúng như kinh Hoa Nghiêm đã dạy: “*Duy tâm sở hiện, duy thức sở biến*”, chẳng có chương ngại! Hiểu rõ đạo lý này sẽ thấy thấu suốt. Chỉ sau khi đã thấy thấu suốt, chúng ta mới buông xuống tất cả những nỗi ngờ vực, lo lắng. Hễ buông xuống, nhất tâm bèn hiện tiền.

Do vậy biết: Nhất tâm bất loạn chẳng khó chứng, chẳng khó đắc! Hiện thời, chúng ta ngờ vực, lo nghĩ quá nhiều, cho nên nhất tâm chẳng thể hiện tiền. Không chỉ nhất tâm chẳng thể hiện tiền, ngay cả công phu

thành phiền cũng chẳng thể hiện tiền, chuyện này rất phiền! Chẳng thể hiện tiền, tuy chúng ta niệm, nhưng công phu chẳng đắc lực. Do vậy, phải nói lắm kinh luận dường ấy, sâu ngằn ấy. Nói thật ra, Lý này vốn sâu xa, nhưng sâu có thể nói thành cạn, cạn thì cũng chỉ cạn đến một mức độ nào đó, Lý này quả thật sâu như thế. Sau khi đã hiểu rõ, nói chung, đều là một mục đích, buông xuống hết thấy các mối ngờ vực, lo lắng mà thôi! Buông hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, sẽ thành công.

Chúng ta thật sự có thể buông hết thấy phân biệt, chấp trước, vọng tưởng xuống, quý vị sẽ là người thượng thượng căn, từ nay trở đi, chẳng cần phải nghe kinh giáo nữa. Kinh điển [đối với người ấy sẽ] như thế nào? Giấy lộn! Một đồng giấy lộn! Giảng kinh là gì? Nói nhăng nhít! Chẳng cần tới! Nếu trong tâm còn có nghi lự (ngờ vực, lo lắng), thì vẫn cần phải có những thứ ấy (kinh điển và lời giảng kinh), vì sao? Chúng có thể giúp chúng ta giảm bớt và tiêu trừ nghi lự, tác dụng ở chỗ này. Nói cách khác, bản thân chúng ta vẫn chưa phải là thượng thượng căn, vẫn còn có nghi lự, trong tâm vẫn có phân biệt, chấp trước, vọng tưởng, chắc chắn chẳng phải là thượng thượng căn! Bậc thượng thượng căn phân biệt, chấp trước, vọng tưởng thấy đều xóa sạch, thấy đều chẳng còn. Hôm nay đã hết thời gian rồi, chúng tôi giảng tới chỗ này!